

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2023/DS-PT
Ngày 09/01/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu di dời tài sản
trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Chu Long Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐ-PT ngày 07/12/2022; Thông báo chuyên ngày xét xử số 45/TB-TA ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lương Thị H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Chu Thị I, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Chu Bích T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị S; vắng mặt.
2. Bà Đinh Thị H; vắng mặt.
3. Chị Hoàng Thị H; vắng mặt.
4. Chị Hoàng Thị P; vắng mặt,

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S, bà Đinh Thị H, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị P: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Lăng Văn M; sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Hang Ý, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Anh Lăng Văn Đ; sinh năm 1991; có mặt.

7. Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lăng Văn M, anh Lăng Văn Đ: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tiến D - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1521/GUQ-UBND ngày 19/6/2022); vắng mặt.

- *Người làm chứng phía nguyên đơn:*

1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn S (Hoàng Văn SL), sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Đinh Thị P, sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng phía bị đơn:*

1. Bà Lăng Thị K; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Bà Hoàng Thị C; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Người kháng cáo:* Bà Chu Thị I là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Gia đình ông có khu đất diện tích 360m², nguồn gốc đất là của ông nội ông để lại, từ thời ông cha của ông đã làm nhà trình tường trên khu đất đó, đồng thời quản lý canh tác đất xung quanh trồng ngô, khoai cải thiện cuộc sống. Năm 2003 khi nhà nước có chủ trương kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã đi kê khai, diện tích khi đó chưa đo đạc cụ thể mà chỉ là diện tích do gia đình tự kê khai. Ngày 04/8/2003 gia đình ông đã được Ủy ban nhân

dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa danh Hang R diện tích là 360m². Số vào sổ 00090/QSDĐ/334/2003/QĐ-UB mang tên hộ ông Hoàng Văn C. Đến khoảng năm 2007 do nhà trình tường bị hỏng vì ngôi nhà xây dựng từ đời các cụ quá lâu năm đã xuống cấp và dột nát nên gia đình ông phải chuyển nhà đi chỗ khác, nhưng gia đình ông vẫn thường xuyên quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên.

Năm 2009, bà Chu Thị I là người cùng thôn đã đến khu đất nền nhà cũ của ông cuốc xới và phá những bức tường cũ. Ông đã yêu cầu ban hòa giải thôn và xã đã đến hòa giải, kết quả hòa giải gia đình ông được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, sau khi hòa giải gia đình ông tiếp tục canh tác, sử dụng diện tích đất nêu trên trồng ngô, sắn, khoai lang.

Đến năm 2020, bà Chu Thị I lại đến tranh chấp trồng 08 (tám) cây mận trên khu đất tranh chấp, khi phát hiện bà Chu Thị I trồng cây mận ông đã yêu cầu ban hòa giải thôn, xã và địa chính xã giải quyết, và xác định diện tích tranh chấp là 178m². Sau đó tổ hòa giải xã cũng đã hòa giải và kết luận khu đất trên thuộc về gia đình ông quản lý và sử dụng, nhưng bà I vẫn không chấp hành.

Ông khởi kiện yêu cầu buộc bà Chu Thị I trả lại 178m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh xã S (nay là xã B), huyện C, tỉnh Lạng Sơn và chấm dứt hành vi tranh chấp yêu cầu tòa án công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông đối với diện tích đất tranh chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện đã cấp cho gia đình ông đối với phần diện tích đất trên và yêu cầu bà Chu Thị I di dời 08 (tám) cây mận ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2022 xác định diện tích đất tranh chấp là 193,9m². Trong đó có 28,7m² (S1) thuộc một phần diện tích thửa đất số 55; 49,7m² (S2) thuộc một phần thửa đất số 46; 22,8m² (S3) thuộc một phần diện tích thửa đất 66; 92,7m² (S4) thuộc một phần diện tích thửa đất 54.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải, ông đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các diện tích đất S1 = 28,7m² nằm trong thửa 55; diện tích S2 = 49,7m² nằm trong thửa 46; diện tích S3 = 22,8m² nằm trong thửa 66 và diện tích S4.2 = 11,4m² nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn và ông xác định diện tích đất tranh chấp còn lại là 81,3m², thuộc một phần diện tích thửa đất số 54 địa danh H, xã B, huyện C.

Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bà Chu Thị I trả lại cho ông diện tích 81,3m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, thôn Hang R, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, công nhận hộ gia đình ông được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00090/QSDĐ/334/2003/QĐ-UB mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho gia đình ông hộ ông Hoàng Văn C ngày 04/8/2003. Buộc bà Chu Thị I phải chấm dứt hành vi tranh chấp. Đối với tài sản trên đất là 07 (bảy) cây mận ông sẽ có

trách nhiệm thanh toán giá trị 07 (bảy) cây mận trên đất theo giá Hội đồng định giá đã định giá và ông được quyền sở hữu 07 (bảy) cây mận hiện có trên đất tranh chấp.

Về chi phí tố tụng và án phí: Ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện và căn cứ khởi kiện mà nguyên đơn đưa ra.

Tại bản tự khai, quá trình lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Chu Thị I trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay ông Hoàng Văn C đang khởi kiện bà tranh chấp là một phần diện tích đất do bố mẹ chồng bà để lại. Bà kết hôn cùng ông Lãng Văn C (đã chết năm 1992) từ năm 1972. Thời điểm bà về nhà chồng cả gia đình vẫn sống chung, gồm: Bố chồng Lãng Văn T, bà cụ đẻ ra bố chồng (bà không nhớ tên), chị gái Lãng Thị K, em trai Lãng Văn M (chết năm 1993), em gái Lãng Thị H và hai vợ chồng bà. Toàn bộ đất đai của gia đình do bố chồng bà quản lý. Đến năm 1984 thì vợ chồng bà ra ở riêng, bố chồng giao khu đất hiện nay đang tranh chấp cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng trồng ngô, khoai, lúa nương. Đến năm 1994 gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, theo Quyết định giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng số 302/UB-QĐ ngày 01/8/1994, hồ sơ mang tên con trai bà là Lãng Văn M, sinh năm 1984. Mảnh đất 144, diện tích 1,08ha, thôn Hang R, xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Năm 1984 khi được bố chồng giao cho khu đất này để quản lý sử dụng nhưng do có con nhỏ nên vợ chồng bà không canh tác được đã bỏ hoang, đến năm 1989 bố đẻ ông Hoàng Văn C là ông Hoàng Văn L (đã chết năm 2001) tự ý ra khu đất của gia đình bà làm nhà trình tường, thời điểm đó bố chồng bà và chồng bà có ra nói chuyện thì ông Hoàng Văn L xin cho ở nhờ, bố chồng bà và chồng bà đã đồng ý, lúc đó chỉ trao đổi với nhau bằng miệng, không làm giấy tờ gì. Đến năm 1997 bà trực tiếp đến gặp bố ông Hoàng Văn C yêu cầu trả đất nhưng ông không đồng ý trả, năm 1998 bà lại tiếp tục yêu cầu trả đất nhưng ông Hoàng Văn L vẫn không chịu trả. Năm 2002 ông Hoàng Văn C là con trai ông Hoàng Văn L dỡ nhà bếp để xây nhà bếp mới, gia đình bà ra ngăn cản không cho làm và yêu cầu trả đất, nên đã xảy ra tranh chấp từ đó. Từ năm 2007 gia đình ông Hoàng Văn C chuyển đi chỗ khác thì gia đình bà quản lý canh tác trồng ngô, khoai. Hiện nay trên đất tranh chấp có 08 cây mận (trồng năm 2018), 03 gốc chuối (trồng năm 2008), đều do bà trồng. Năm 2019 bà mới biết diện tích hiện nay đang có tranh chấp đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C. Nay ông Hoàng Văn C khởi kiện bà tranh chấp đất và yêu cầu di dời tài sản bà không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C. Công nhận quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 81,3m² thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008 và có các phía tiếp giáp như bản trích đo đã được đo đạc tại thôn Hang R, Song Giáp (nay là xã

Bình T), huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 07 (bảy) cây mận.

Yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số 00090QSDĐ/334/2003/QĐ-UB, cấp ngày 04/8/2003 mang tên Hoàng Văn C với diện tích 81,3m² nằm trong thửa 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008.

Đối với diện tích đất S1 = 28,7m² nằm trong thửa 55; diện tích S2 = 49,7m² nằm trong thửa 46; diện tích S3 = 22,8m² nằm trong thửa 66 và diện tích S4.2 = 11,4m² nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn ông Hoàng Văn C đã rút không cầu Tòa án giải quyết, bà nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với những diện tích đất này.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà xin được miễn, vì là người cao tuổi và là người dân tộc sống tại vùng kinh tế khó khăn, bà đã có đơn xin miễn án phí theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn anh Lăng Văn M, anh Lăng Văn Đ, chị Hoàng Thị X nhất trí như ý kiến của bị đơn, không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Đối với việc bà Chu Thị I yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/8/2003, số vào số 00090QSDĐ/334/2003/QĐ-UB mang tên hộ ông Hoàng Văn C, do đây là diện tích tự kê khai nên không có đo đạc diện tích cụ thể, thủ tục cấp là theo Luật đất đai năm 1993 và các Thông tư tại thời điểm đó. Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn C đối với diện tích 360m² đất ở theo diện tích tự kê khai là đúng đối tượng và đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, trình tự thủ tục thực hiện theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà Chu Thị I yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn C có số vào số 00090QSDĐ/334/2003/QĐ-UB diện tích 81,3m² đất không có cơ sở xem xét, đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét quá trình quản lý, sử dụng đất và các tài liệu liên quan để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của người làm chứng phía nguyên đơn:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 6 năm 2022 ông Hoàng Văn S (Hoàng Văn SL) trình bày: Ông và ông Hoàng Văn C, bà Chu Thị I không có mâu thuẫn gì, chỉ có mối quan hệ là hàng xóm láng giềng. Về nguồn gốc đất hiện nay ông Hoàng Văn C đang khởi kiện bà Chu Thị I theo ông được biết trước đây là đất đồi, năm 1988, 1989 (không nhớ chính xác) ông thấy bố anh Hoàng Văn C là ông Hoàng Văn L (đã chết năm 2001) làm nhà trên diện tích đất này, đến năm 2007 con trai của ông Hoàng Văn L là anh Hoàng Văn C đã chuyển nhà sang chỗ khác vì lúc đó nhà của anh Hoàng Văn C đã xuống cấp không thể ở được nữa, mặc dù gia đình anh Hoàng Văn C chuyển nhà đi chỗ khác nhưng mảnh đất này gia đình anh Hoàng Văn

C vẫn sử dụng canh tác trồng cây hoa màu ngắn ngày. Về việc tranh chấp đất giữa anh Hoàng Văn C và bà Chu Thị I bản thân ông được biết đã được Ủy ban nhân dân xã giải quyết cho gia đình anh Hoàng Văn C. Bà Chu Thị I chỉ sử dụng mảnh đất giáp với mảnh đất đang có tranh chấp, trước đây do gia đình ông Hoàng Văn L và bà Vi Thị C sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 6 năm 2022 ông Đinh Văn T trình bày: Ông và ông Hoàng Văn C, bà Chu Thị I không có mâu thuẫn gì, chỉ có mối quan hệ là hàng xóm láng giềng. Về nguồn gốc đất hiện nay ông Hoàng Văn C đang khởi kiện bà Chu Thị I theo ông được biết trước đây là đất đồi, bản thân ông hay đi chăn trâu ở khu vực đó, ông thấy gia đình anh Hoàng Văn C làm nhà trình tường trên khu đất hiện nay đang có tranh chấp, thời điểm đó gia đình anh Hoàng Văn C còn có bố mẹ và anh chị em của anh Hoàng Văn C, đến năm 2007 (lúc đó bố anh Hoàng Văn C đã chết) gia đình anh Hoàng Văn C chuyển nhà sang chỗ khác ở, vì nhà của anh Hoàng Văn C đã bị hư hỏng, không thể ở được nên mới phải làm nhà mới và ông thấy gia đình anh Hoàng Văn C vẫn sử dụng canh tác trồng cây hoa màu và quản lý mảnh đất này, ngoài ra không thấy ai canh tác ở khu đất đó.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 8 năm 2022 bà Đinh Thị P trình bày: Bà và ông Hoàng Văn C, bà Chu Thị I không có mâu thuẫn gì, bà là mẹ vợ của ông Hoàng Văn C. Bản thân bà sinh ra và lớn lên tại thôn H, xã Song G (nay là xã Bình T), đến năm 17 tuổi bà lấy chồng, nhưng chồng bà là ở rể, nên bà vẫn sinh sống tại thôn Hang R từ nhỏ đến bây giờ. Về nguồn gốc đất hiện nay anh Hoàng Văn C đang khởi kiện bà Chu Thị I tranh chấp bà biết rất rõ, hồi nhỏ bà thấy khu đồi đấy là đồi hoang, sau đó lớn lên bà thấy bố mẹ anh Hoàng Văn C làm vườn và làm nhà sinh sống tại đó, năm 2007 thì anh Hoàng Văn C chuyển sang chỗ khác làm nhà và dỡ ngôi nhà đó đi, nhưng khu đất nhà cũ gia đình anh Hoàng Văn C vẫn làm vườn trồng ngô, khoai. Bản thân bà không thấy gia đình bà Chu Thị I làm vườn ở khu đất tranh chấp đó, mãi đến mấy năm gần đây thì thấy bà Chu Thị I đến tranh chấp với gia đình anh Hoàng Văn C.

Ý kiến của người làm chứng phía bị đơn:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa bà Lăng Thị Khẩn trình bày: Bà và ông Hoàng Văn C, bà Chu Thị I không có mâu thuẫn gì, bà là chị gái ruột của chồng bà Chu Thị I (em trai bà tên là Lăng Văn C). Về nguồn gốc đất hiện nay ông Hoàng Văn C đang khởi kiện bà Chu Thị I là của gia đình bà, do ông cha để lại, khi bà chưa đi lấy chồng bà có được cùng gia đình canh tác, đến năm 1975 bà đi lấy chồng, lúc đó bố mẹ bà vẫn đang quản lý và sử dụng, việc bố ông Hoàng Văn C là ông Hoàng Văn L ra khu đất của gia đình bà làm nhà như thế nào bà không biết, vì bà lấy chồng xã khác ít về nên không nắm được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết diện tích đất đang tranh chấp cho em dâu bà là Chu Thị I để canh tác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa bà Hoàng Thị C trình bày: Bà và ông Hoàng Văn C, bà Chu Thị I không có mâu thuẫn gì, bà và bà Chu Thị I là hai chị em dâu trong họ (bố chồng bà và bố

chồng bà Chu Thị I là hai anh em ruột). Về nguồn gốc đất hiện nay ông Hoàng Văn C đang khởi kiện bà Chu Thị I là của ông cha để lại, năm 1987 bà kết hôn với ông Lăng Văn C (em họ chồng bà Chu Thị I), bà thấy diện tích đất hiện nay bà Chu Thị I và ông Hoàng Văn C đang tranh chấp là do gia đình bố mẹ chồng bà Chu Thị I canh tác sử dụng, việc bố ông Hoàng Văn C là ông Hoàng Văn L làm nhà trên khu đất hiện nay bà I và ông C đang tranh chấp bà không biết, vì bà ở cách xa khu đất đó.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 04/5/2022, xác định đất tranh chấp có tổng diện tích là 193,9m² tại thôn Hang R, xã Bình T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trong đó có 28,7m² (S1) thuộc một phần diện tích thửa đất số 55; 49,7m² (S2) thuộc một phần thửa đất số 46; 22,8m² (S3) thuộc một phần diện tích thửa đất 66; 92,7m² (S4) thuộc một phần diện tích thửa đất số 54. Diện tích đất tranh chấp nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có ranh giới tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp một phần thửa đất số 55 bà Chu Thị I đang sử dụng.

Phía Tây giáp một phần thửa đất số 46 và 66 ông Nông Văn Đ đang sử dụng.

Phía Nam giáp một phần thửa đất số 66 và 54 ông Nông Văn Đ và ông Hoàng Văn C sử dụng.

Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 55 bà Chu Thị I đang sử dụng và một phần thửa đất số 54 của ông Hoàng Văn C.

Tại thời điểm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, trên diện tích đất tranh chấp có 08 (tám) cây mận đường kính từ 05cm đến 10cm, 50 (năm mươi) cây chuối hột chưa có quả, 03 (ba) cây chuối hột đang có quả đều do bà Chu Thị I trồng; 01 (một) nhà bếp do ông Hoàng Văn C xây dựng năm 2000; sân bê tông do ông Hoàng Văn C lát diện tích 04 m²; bức tường trình đất hình thù nền nhà cũ của bố ông Hoàng Văn C cao 0,2m, dài 14,55m.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá: Giá trị đất tranh chấp theo giá thị trường là 1.000.000 đồng/m², tổng trị giá đất tranh chấp là 193.900.000 đồng; trị giá tài sản trên đất gồm: 08 (tám) cây mận = 1.624.000 đồng, 03 (ba) cây chuối hột đang có quả = 177.000 đồng, 50 (năm mươi) cây chuối hột chưa có quả = 900.000 đồng, 01 (một) nhà bếp = 12.636.029 đồng, 04m² sân bê tông = 960.000 đồng, tổng cộng là 210.197.029 đồng (hai trăm mười triệu một trăm chín mươi bảy nghìn không trăm hai mươi chín đồng). Đối với bức tường trình đất hình thù nền nhà cũ của bố ông Hoàng Văn C cao 0,2m, dài 14,55m Hội đồng định giá không định giá vì không còn giá trị.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Hoàng Văn C đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích S1 = 28,7m² nằm trong thửa 55; diện tích S2 = 49,7m² nằm trong thửa 46; diện tích S3 = 22,8m² nằm trong thửa 66 và diện tích S4.2 = 11,4m² nằm trong thửa số 54 (do bà Chu Thị I không tranh chấp đến phần đó và vẫn nằm trong thửa đất số 54 của gia đình ông). Như vậy xác định diện tích đất tranh chấp còn lại là 81,3m²,

thuộc một phần diện tích thửa đất số 54 địa danh H, xã B, huyện C; tài sản trên đất có 07 (bảy) cây mận.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, khoản 6 Điều 73 của Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 95; khoản 3 Điều 100; Điều 101; khoản 1, 5, 7 Điều 166; Điều 170; khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 11; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 161; khoản 1 Điều 165; Điều 184; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C.

2. Hộ ông Hoàng Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp diện tích 81,3m² thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất là 07 (bảy) cây mận. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ 00090/QSĐĐ/334/2003/QĐ-UB, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn C ngày 04/8/2003. Vị trí đất tranh chấp tiếp giáp các phía như sau:

Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 55, vị trí đỉnh P, R theo đường thẳng;

Phía Đông giáp một phần thửa đất số 54, vị trí đỉnh R, S, T theo đường thẳng;

Phía Nam giáp một phần thửa đất số 54, vị trí đỉnh T, E, F theo đường gấp khúc;

Phía Tây giáp một phần thửa đất số 46 và thửa đất số 66, vị trí đỉnh F, Q, P theo đường thẳng;

(Có mảnh trích đo địa chính số 43-2022 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo vẽ ngày 04/5/2022 và phụ lục mảnh trích đo địa chính số 43-2022 ngày 17/8/2022 kèm theo)

3. Buộc hộ bà Chu Thị I chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất 81,3m² thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn đối với hộ ông Hoàng Văn C.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn C: Ông Hoàng Văn C tự nguyện thanh toán trị giá 07 (bảy) cây mận là 1.421.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng) cho bà Chu Thị I và ông Hoàng Văn C được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên đất tranh chấp gồm 07 (bảy) cây mận.

5. Đình chỉ xét xử đối với diện tích đất $S1 = 28,7m^2$ nằm trong thửa 55; diện tích $S2 = 49,7m^2$ nằm trong thửa 46; diện tích $S3 = 22,8m^2$ nằm trong thửa 66 và diện tích $S4.2 = 11,4m^2$ nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn do ông Hoàng Văn C xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Có mảnh trích đo địa chính số 43-2022 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo vẽ ngày 04/5/2022 và phụ lục mảnh trích đo địa chính số 43-2022 ngày 17/8/2022 kèm theo).

6. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định bản đồ:

Ông Hoàng Văn C phải chịu số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.103.000 đồng (bảy triệu một trăm linh ba nghìn đồng).

Bà Chu Thị I phải chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.129.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng) và chi phí giám định bản đồ là 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 6.479.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng). Bà Chu Thị I phải thanh toán cho ông Hoàng Văn C số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định bản đồ đã nộp tạm ứng trước là 6.479.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm trả tại thời điểm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định ngày 23/9/2022 bị đơn bà Chu Thị I có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm; đề nghị công nhận quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích $81,3m^2$ đất tranh chấp, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008, xã Bình T huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 07 cây mận có trên phần đất tranh chấp. Hủy một phần GCNQSD đất đã cấp cho ông Hoàng Văn C. Không phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xin rút một phần kháng cáo, không yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất của nguyên đơn đã được cấp năm 2003, vì không có liên quan, giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được quản lý diện tích đất tranh chấp và 07 cây mận trồng trên phần đất tranh chấp. Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị I làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Tại

phiên tòa hôm nay, bà I rút một phần nội dung kháng cáo đề nghị hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Hoàng Văn C.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông Hoàng Văn C là người sử dụng thực tế và ổn định trước ngày 15/10/1993 diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008, địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ. Việc Bà I kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và sở hữu 07 cây mận trên đất tranh chấp: Xét thấy việc gia đình bà I trồng cây Mận trên đất của ông Hoàng Văn C là trái pháp luật, vì bà trồng vào thời điểm năm 2018 là sau khi xảy ra tranh chấp. Hơn nữa, bà I kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phục vụ cho kháng cáo, nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị I. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót tại mục [5] trong phần nhận định và tại mục 2. phần Quyết định của Bản tuyên "...Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ 00090/QSDĐ/334/2003/QĐ-UB, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn C ngày 04/8/2003". Nhận định và quyết định như vậy là không chính xác. Bởi, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008, xã Bình T huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo sổ mục kê đất đai được lập khi thực hiện đo đạc và thành lập bản đồ địa chính tỉ lệ 1/1.000 tại xã Song G, nay sáp nhập là xã Bình T năm 2008 mới quy chủ là hộ ông Hoàng Văn C, có diện tích 499,0m². Không phải là diện tích đã cấp GCNQSD đất cho ông Hoàng Văn C năm 2003 (Theo Công văn số 3353/UBND-TNMT ngày 24/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C cung cấp). Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng họ đã có văn bản ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt, một số người làm chứng vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị I kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm; đề nghị công nhận quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích 81,3m² đất tranh chấp, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008, xã Bình T huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 07 cây mận có trên phần đất tranh chấp. Hủy một phần GCNQSD đất đã cấp cho ông Hoàng Văn C. Hội đồng xét xử thấy rằng; Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng, đủ người tham tố tụng, xác định nguồn gốc đất

tranh chấp là của ông nội bị đơn Hoàng Văn C đã quản lý, sử dụng khu đất này, sau đó làm nhà trình tường trên đất đó để sinh sống đồng thời quản lý canh tác đất xung quanh trồng ngô, khoai cải thiện cuộc sống. Đến khoảng năm 2007 do nhà trình tường bị hỏng, nên gia đình ông Hoàng Văn C mới tháo dỡ và di chuyển sang chỗ khác làm nhà, nhưng gia đình ông vẫn thường xuyên quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên, phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phù hợp với lời khai các nhân chứng. Việc bà Chu Thị I cho rằng nguồn gốc đất là của ông cha để lại nhưng không có căn cứ chứng minh. Người làm chứng cho bà Chu Thị I đều có mối quan hệ anh em ruột thịt với bên chồng bà Chu Thị I nên lời làm chứng của những người này không đảm bảo tính khách quan. Quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp của gia đình ông Hoàng Văn C ổn định, không có tranh chấp, tại phiên tòa bà Chu Thị I cũng thừa nhận bố ông Hoàng Văn C làm nhà trình tường từ những năm 1989. Việc sử dụng đất của gia đình ông Hoàng Văn C thể hiện rõ trên đất tranh chấp còn có vết tích các bức tường trình đất của gia đình ông Hoàng Văn C. Bà Chu Thị I cho rằng bố ông Hoàng Văn C hỏi mượn đất ở nhờ nhưng không có tài liệu giấy tờ chứng minh.

[3] Theo Kết quả Giám định ngày 25/7/2022 của Giám định viên Đàm Văn Tuệ, giám định theo vụ việc kết luận diện tích đất tranh chấp 81,3m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 54 tờ bản đồ số 29, không có căn cứ để xác định diện tích thửa đất số 54 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn C chồng lần lên mảnh 144 diện tích 1,08 ha, Quyết định giao đất 302/UB-QĐ ngày 01/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Lăng Văn M xóm Hang R, xã Bình T (ông Lăng Văn M là con trai bà Chu Thị I thời điểm đó mới 10 tuổi), do vậy không có căn cứ để xem xét trình tự cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29 đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn C.

[4] Như vậy, diện tích đất tranh chấp gia đình ông Hoàng Văn C đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993, thời điểm gia đình ông kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông đang là người sử dụng đất và không có tranh chấp. Ngày 04/8/2003 Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00090/QSĐĐ/334/2003/QĐ-UB, địa danh Hang R diện tích là 360m² cho gia đình ông Hoàng Văn C là đất ở nông thôn, cấp theo diện tích tự kê khai đối với những nơi chưa có bản đồ địa chính và đúng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993. Ngoài diện tích đất tranh chấp hộ ông Hoàng Văn C còn được UBND huyện C cấp 02 GCNQSD đất ngày 16/11/2011. Cùng kỳ hộ bà Chu Thị I cũng được cấp 01GCNQSD đất ngày 16/11/2011 và trong sổ cấp năm 2003 tại trang 11, số 102 có tên bà Chu Thị I đã được cấp 01GCNQSD đất, diện tích là 183,0m², theo quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/8/2003. Do vậy, ông Hoàng Văn C khởi kiện yêu cầu bà Chu Thị I trả lại diện tích 81,3m² đất tranh chấp, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Nội dung này cũng đã được người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy,

cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai có trách nhiệm xử lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Văn C ngày 04/8/2003, theo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C, được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì có đủ căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu di dời tài sản trên đất: Xét thấy việc gia đình bà Chu Thị I trồng cây trên đất của ông Hoàng Văn C là trái pháp luật (*vì sau khi xảy ra tranh chấp bà mới trồng*), ông Hoàng Văn C yêu cầu bà Chu Thị I phải di dời 07 (bảy) cây mận trên đất tranh chấp là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Hoàng Văn C, tự nguyện chấp nhận thanh toán giá trị 07 (bảy) cây mận cho bà Chu Thị I theo giá Hội đồng định giá đã định giá với số tiền là 1.421.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng) và ông được sở hữu 07 (bảy) cây mận trên diện tích đất tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của ông Hoàng Văn C đưa ra không làm giảm giá trị tài sản, vì việc di dời ít nhiều cũng ảnh hưởng đến giá trị và tỷ lệ sống của cây, nên chấp nhận ý kiến của ông Hoàng Văn C là phù hợp.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có căn cứ không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị I. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót tại mục [5] trong phần nhận định và tại mục 2. phần Quyết định của Bản tuyên "...Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ 00090/QSĐĐ/334/2003/QĐ-UB, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn C ngày 04/8/2003". Tại mục [11] phần nhận định của Bản án về án phí "... ông Hoàng Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm..." nhưng phần quyết định không tuyên trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Hoàng Văn C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Đính chính. Tại mục 3. phần quyết định của Bản án chỉ tuyên "...hộ bà Chu Thị I chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất 81,3m² thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008...". Không tuyên cụ thể gồm những ai... Nhận định và quyết định như vậy là thiếu sót. Bởi, hộ bà Chu Thị I có Lãng Văn M, Lãng Văn Đ và Hoàng Thị X nên cần tuyên rõ. Đối với diện tích đất tranh chấp là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008, xã Bình T huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo sổ mục kê đất đai được lập khi thực hiện đo đạc và thành lập bản đồ địa chính tỉ lệ 1/1.000 tại xã Song G, nay sáp nhập là xã Bình T năm 2008 mới quy chủ là hộ ông Hoàng Văn C, có diện tích 499,0m². Không phải là diện tích đã cấp GCNQSD đất cho ông Hoàng Văn C năm 2003. (Theo Công văn số 3353/UBND-TNMT ngày 24/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C cung cấp). Tại mục 2. phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên "... Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ 00090/QSĐĐ/334/2003/QĐ-UB, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn C ngày 04/8/2003". tuyên như vậy là không chính xác. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, tránh lặp lại.

[7] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, được Hội đồng xét xử chấp nhận những vấn đề phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Những vấn đề không phù hợp không được chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử không chấp nhận, vì không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí: Ông Hoàng Văn C không chịu tiền án phí sơ thẩm. Trả lại 300.000 đồng đã nộp theo biên lai ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cho ông Hoàng Văn C.

[11] Bà Chu Thị I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng do bà là người cao tuổi, dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí. Do đó bà Chu Thị I được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị I. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, khoản 6 Điều 73 của Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 95; khoản 3 Điều 100; Điều 101; khoản 1, 5, 7 Điều 166; Điều 170; khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 11; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 161; khoản 1 Điều 165; Điều 184; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C.

2. Hộ ông Hoàng Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp diện tích 81,3m² thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất là 07 (bảy) cây mận. Vị trí đất tranh chấp tiếp giáp các phía như sau:

Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 55, vị trí đỉnh P, R theo đường thẳng;

Phía Đông giáp một phần thửa đất số 54, vị trí đỉnh R, S, T theo đường thẳng;

Phía Nam giáp một phần thửa đất số 54, vị trí đỉnh T, E, F theo đường gấp khúc;

Phía Tây giáp một phần thửa đất số 46 và thửa đất số 66, vị trí đỉnh F, Q, P theo đường thẳng; *(Có mảnh trích đo địa chính số 43-2022 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo vẽ ngày 04/5/2022 và phụ lục mảnh trích đo địa chính số 43-2022 ngày 17/8/2022 kèm theo)*

3. Buộc bà Chu Thị I, anh Lăng Văn M, anh Lăng Văn Đ và chị Hoàng Thị X chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất 81,3m² thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính năm 2008; địa danh Hang R, xã Bình T (trước là xã Song G), huyện C, tỉnh Lạng Sơn đối với hộ ông Hoàng Văn C.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn C: Ông Hoàng Văn C tự nguyện thanh toán trị giá 07 (bảy) cây mận là 1.421.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng) cho bà Chu Thị I và ông Hoàng Văn C được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên đất tranh chấp gồm 07 (bảy) cây mận.

5. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định bản đồ:

Bà Chu Thị I phải chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.129.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng) và chi phí giám định bản đồ là 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 6.479.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng). Bà Chu Thị I phải thanh toán cho ông Hoàng Văn C số tiền đã nộp tạm ứng trước là 6.479.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí: Trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho ông Hoàng Văn C, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001381 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Chu Thị I được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Cao Đức Chiến

